

Tác động của chỉ tiêu chính phủ đến chỉ số phát triển con người tại các quốc gia Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2022

Nguyễn Đình Bình, Phạm Hải Anh*, Huỳnh Thị Ngọc Kiều, Trần Đỗ Phương Uyên, Lê Nguyễn Uyên My, Tạ Như Ngọc



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm mục đích xem xét mối tương quan giữa chỉ tiêu của chính phủ và chỉ số phát triển con người (HDI) ở các quốc gia ASEAN từ năm 2009 đến 2022. Để đạt được mục tiêu này, nghiên cứu sử dụng mô hình bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (FGLS) với bộ dữ liệu thu thập từ các nguồn tin cậy như World Bank, ADB, IMF, và ASEAN Statistics. Mẫu nghiên cứu bao gồm 09 quốc gia Đông Nam Á trong vòng 12 năm với 126 quan sát cho mô hình nghiên cứu. Dữ liệu nghiên cứu bao gồm các biến giải thích đại diện cho tỷ lệ chi tiêu của chính phủ so với tổng GDP trong y tế (Ghc), giáo dục (Ge) và quốc phòng (Gd). Bên cạnh đó, các yếu tố ví mô như đầu tư trực tiếp nước ngoài (InFDI), tỷ lệ lạm phát (Inf) và lực lượng lao động (InLab) cũng được đưa vào mô hình với vai trò biến kiểm soát. Kết quả cho thấy chỉ tiêu công cho giáo dục và quốc phòng có tác động tích cực đến HDI, trong khi chi tiêu cho y tế lại ảnh hưởng tiêu cực đến chỉ số này. Ngoài ra, đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng là một nhân tố cải thiện chất chỉ số HDI, trong khi tỷ lệ lạm phát không có ảnh hưởng đáng kể và lực lượng lao động có tác động tiêu cực đến phát triển con người. Dựa trên những phát hiện này, báo cáo cũng đưa ra các hàm ý chính sách nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống ở Đông Nam Á và Việt Nam. Đồng thời, báo cáo chỉ ra những hạn chế trong phân tích và đề xuất các hướng nghiên cứu mới để cải thiện hiểu biết về mối quan hệ giữa chi tiêu công và phát triển con người trong tương lai.

Từ khoá: Chỉ số phát triển con người, HDI, Chi tiêu chính phủ, ASEAN

1. GIỚI THIỆU

2 Ý tưởng về yếu tố “Phát triển con người” được hình
3 thành từ nửa sau thế kỷ 20, khi các cuộc tranh luận
4 mang tính toàn cầu về mối liên hệ giữa tăng trưởng
5 kinh tế và phát triển đang diễn ra. Trong quá trình
6 hình thành các mục tiêu, phương hướng phát triển ở
7 mỗi quốc gia, con người luôn được xem là mối quan
8 tâm hàng đầu¹. Từ những bước tiến về tư duy quản lý
9 đó, chỉ số phát triển con người (Human Development
10 Index - HDI) được xây dựng vào năm 1990 bởi UNDP.
11 Chỉ số này có ý nghĩa rất quan trọng vì bên cạnh việc
12 đo lường, chúng còn cung cấp một cái nhìn tổng thể
13 trong việc so sánh mức độ phát triển giữa các quốc gia
14 trên thế giới².
15 Báo cáo của Văn phòng Báo cáo phát triển con người
16 (HDRO) cho thấy, tính đến thời điểm hiện tại đã có
17 140 quốc gia chủ động tính toán HDI cho đất nước
18 của mình. Thậm chí, một số quốc gia đã áp dụng các
19 phương pháp luận tính HDI theo tiêu chuẩn được xây
20 dựng bởi UNDP để tính HDI cho cấp tỉnh, thành phố
21 của mình³.
22 Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển
23 con người, trong những năm qua các quốc gia đã

không ngừng nỗ lực để nâng cao chất lượng sống của
con người. Số liệu thống kê từ Ngân hàng Phát triển
châu Á (ADB) cho thấy chỉ số phát triển con người
HDI của các quốc gia Đông Nam Á, dù vẫn còn tồn tại
sự chênh lệch về mức độ và tốc độ phát triển giữa các
nước, nhưng nhìn chung đã không ngừng cải thiện
qua từng năm.
Các quốc gia chỉ có trình độ phát triển con người ở
mức trung bình dù giữ được nhịp tăng trưởng qua
từng năm nhưng không quá ấn tượng. Các quốc gia
đảm bảo được chất lượng cuộc sống con người ở mức
cao và rất cao như Thailand, Malaysia, Singapore để
đàng có được đà tăng trưởng HDI nhanh và mạnh qua
các năm, ngoại trừ Brunei dù có mức độ phát triển
con người rất cao nhưng lại bị suy giảm dần HDI từ
năm 2013. Theo số liệu từ Ngân hàng Thế giới (World
Bank), tỷ trọng các khoản chi tiêu chính phủ của các
nước trong khu vực cũng thay đổi liên tục qua từng
năm. Tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục có xu hướng giảm
dần tỷ trọng trong những năm trở lại đây, nhưng vẫn
có một số quốc gia như Campuchia đang nỗ lực tăng
dần tỷ trọng khoản chi này lên để đáp ứng cho các
chính sách về giáo dục. Tỷ lệ chi tiêu cho y tế thì ngược
lại, có xu hướng tăng với đa số các quốc gia, đặc biệt là

Trường Đại học Kinh tế - Luật,
ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Phạm Hải Anh, Trường Đại học Kinh tế -
Luật, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: anhph21403@st.uel.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 19/4/2024
- Ngày sửa đổi: 13/10/2024
- Ngày chấp nhận: 04/12/2024
- Ngày đăng:

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố
mở được phát hành theo các điều khoản của
the Creative Commons Attribution 4.0
International license.



Trích dẫn bài báo này: Bình N D, Anh P H, Kiều H T N, Uyên T D P, My L N U, Ngọc T N. **Tác động của chỉ tiêu chính phủ đến chỉ số phát triển con người tại các quốc gia Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2022.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2025; ():1-10.

48 vào năm 2020 và 2021, khi thế giới bị ảnh hưởng bởi
49 đại dịch Covid-19. Chi tiêu cho quốc phòng là khoản
50 chi có tỷ lệ thấp nhất nhưng ít biến động nhất qua các
51 năm.

52 Xuất phát từ những lý do nói trên, nghiên cứu này
53 được thực hiện nhằm đánh giá được tác động của chi
54 tiêu chính phủ đối với HDI ở các quốc gia Đông Nam
55 Á giai đoạn 2009 - 2022. Các chi tiêu được chọn phân
56 tích bao gồm chi tiêu cho giáo dục, y tế, quốc phòng.
57 Từ kết quả mô hình, bài viết cũng đề xuất kiến nghị
58 đối với các nước trong phạm vi nghiên cứu.

59 TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU 60 TRƯỚC

61 Mối liên hệ giữa chi tiêu chính phủ và chỉ số phát triển
62 con người đã trở thành chủ đề của nhiều nghiên cứu
63 trước đây. Các đề tài đã chỉ ra rằng việc phân bổ ngân
64 sách hợp lý đóng vai trò quan trọng đối với chất lượng
65 cuộc sống con người. Dựa trên các mô hình bảng
66 dạng Pooled-OLS, FEM và REM, các nghiên cứu của
67 Phan Thị Minh Hậu, Lê Thị Thanh Thủy và Bùi Thị
68 Mai Hoài, Linhartova V đều cho rằng các khoản chi
69 tiêu công đều ảnh hưởng đến chỉ số phát triển con
70 người HDI, đặc biệt là các khoản chi tiêu cho giáo dục
71 và y tế⁴⁻⁶. Một nghiên cứu điển hình khác của Gohou
72 G và Soumar'e I không chỉ cho thấy tác động đáng kể
73 của chi tiêu chính phủ mà còn phát hiện những ảnh
74 hưởng nhất định của các chỉ số kinh tế vĩ mô như lạm
75 phát hay đầu tư trực tiếp nước ngoài đến việc xóa đói
76 giảm nghèo của các quốc gia⁷.

77 Dù đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến sự tác động
78 của chi tiêu chính phủ đến chỉ số phát triển con người
79 ở một số quốc gia, tuy nhiên chưa có các công trình
80 nghiên cứu đầy đủ tác động của chi tiêu chính phủ đến
81 HDI trong khu vực ASEAN - một khu vực đa dạng với
82 nhiều nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng nhưng
83 cũng đối mặt với nhiều thách thức về phát triển con
84 người hiện nay. Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu
85 trước đó, bài viết tập trung nghiên cứu chi tiêu
86 chính phủ đến chỉ số phát triển con người HDI của
87 khu vực ASEAN giai đoạn 2009 - 2022. Đây là giai
88 đoạn đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của khu vực
89 này, đồng thời cũng chứng kiến nhiều biến cố kinh
90 tế và chính trị quan trọng, như cuộc khủng hoảng tài
91 chính toàn cầu, các cuộc bầu cử quan trọng trong khu
92 vực, và gần đây nhất là đại dịch COVID-19. Điểm đặc
93 biệt của nghiên cứu này là tác giả đã tiến hành đánh
94 giá tác động của các yếu tố ít được xem xét trong các
95 bài nghiên cứu tương tự trước đó đến chỉ số phát triển
96 con người HDI như khoản chi tiêu cho quốc phòng
97 hay lực lượng lao động của các nước, qua đó mang lại
98 những kết quả mới và cụ thể hơn so với các nghiên
99 cứu tổng quát trước.

CƠ SỞ LÝ LUẬN

Khái niệm chi tiêu chính phủ

Chi tiêu công (chi tiêu công cộng, chi tiêu chính phủ)
là các khoản chi tiêu, gói trợ cấp của các cấp chính
quyền từ trung ương đến địa phương, các đơn vị quản
lý hành chính và sự nghiệp thông qua ngân sách Nhà
nước. Chi tiêu công gắn liền với việc hoạch định và
thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế, chính trị, xã hội
của chính phủ⁸.

Chỉ số phát triển con người

Năm 1990, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
(UNDP) đã giới thiệu một cách tiếp cận mới đối với
việc đánh giá sự phát triển - đó là sự phát triển con
người. Ý tưởng này được trình bày lần đầu tiên trong
Báo cáo Phát triển Con người. Lý thuyết về sự phát
triển con người quan tâm đặc biệt vào việc cải thiện
sức khỏe và tinh thần của công dân trong một quốc
gia, thay vì chỉ tập trung vào việc thúc đẩy tăng trưởng
kinh tế⁹.

Chỉ số phát triển con người là một đánh giá tổng hợp
về sự phát triển của con người, bao gồm ba thành
phần chính: sức khỏe, tri thức, và mức thu nhập của
người dân. Trong đó, sức khỏe được xác định bằng
tuổi thọ trung bình của một người tính từ lúc sinh. Tri
thức được đo lường thông qua các chỉ số tỷ lệ biết chữ
ở người trưởng thành và tỷ lệ nhập học ở các cấp, vì
đây là những yếu tố thể hiện mức độ giáo dục và kiến
thức trong cộng đồng. Cuối cùng, thu nhập được đo
bằng tổng sản phẩm quốc nội bình quân mỗi người
hàng năm, phản ánh trình độ phát triển kinh tế và
mức sống dân cư¹⁰.

Dựa vào HDI, ta có thể phân các nước thành 03 nhóm:
các nước có mức phát triển con người thấp ($HDI \leq 0,50$),
các nước có mức phát triển con người trung
bình ($0,51 \leq HDI \leq 0,79$), các nước có mức phát triển
con người cao ($HDI \geq 0,8$)³.

Lý thuyết tăng trưởng nội sinh

Lý thuyết nội sinh của Solow nhấn mạnh vai trò then
chốt của phát triển con người trong tăng trưởng kinh
tế bền vững. Lý thuyết này khẳng định tăng trưởng
kinh tế lâu dài phải đến từ sự đầu tư không chỉ về vốn
vật chất mà cả vốn con người. Mô hình nghiên cứu
của Ranis và cộng sự (2000) cũng tập trung nghiên
cứu sự phát triển của con người đối với tăng trưởng
kinh tế, khẳng định rằng đầu tư vào vốn con người,
đặc biệt thông qua giáo dục và y tế, là yếu tố quyết
định cho tăng trưởng kinh tế dài hạn¹¹.

Đầu tư vào vốn con người là vai trò và trách nhiệm
của chính phủ thông qua các khoản chi của ngân sách
nhà nước về y tế, giáo dục, quốc phòng. Chi tiêu cho

150 giáo dục và y tế trực tiếp nâng cao chất lượng nguồn
 151 nhân lực, trong khi đầu tư vào quốc phòng đảm bảo
 152 môi trường ổn định cho phát triển. Có thể thấy rằng
 153 để đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững, chính phủ
 154 không chỉ cần tăng cường hiệu quả ngân sách mà còn
 155 cần định hình chính sách hướng tới phát triển con
 156 người.

157 **Mối liên hệ giữa chỉ tiêu chính phủ và HDI**

158 **Chi tiêu cho giáo dục**

159 Đầu tư vào giáo dục có thể tạo ra những cơ hội mới,
 160 nâng cao chất lượng lao động và góp phần tăng cường
 161 sức mạnh nhân lực, từ đó có thể thúc đẩy sự phát triển
 162 toàn diện của quốc gia. Kết quả nghiên cứu của Lan-
 163 tion và cộng sự tại một số nước ASEAN đã cho thấy
 164 một ảnh hưởng tích cực và đáng kể của chi tiêu của
 165 chính phủ vào giáo dục đối với chỉ số HDI. Các tác
 166 giả khẳng định nguồn chi này đảm bảo khả năng tiếp
 167 cận và chất lượng giáo dục, trang bị cho công dân các
 168 kiến thức về khoa học, nghiên cứu và công nghệ, giảm
 169 thiếu sự bất bình đẳng về trình độ giáo dục¹². Theo
 170 lý thuyết tăng trưởng nội sinh, một nền giáo dục chất
 171 lượng cao là điều kiện cần để nâng cao yếu tố tri thức
 172 của con người nói riêng và chỉ số phát triển con người
 173 nói chung. Nghiên cứu của Kushwaha và Tiwari ở Ấn
 174 Độ, Saputro và Hamzah ở một số nước ASEAN cũng
 175 thể hiện tác động tích cực của chi tiêu cho giáo dục tới
 176 sự phát triển con người^{13,14}. Trên cơ sở đó, giả thuyết
 177 H1 được xây dựng như sau:

178 *H1: Tỷ lệ chi tiêu công cho giáo dục tác động tích cực*
 179 *đến HDI của các quốc gia ASEAN giai đoạn 2009 -*
 180 *2022.*

181 **Chi tiêu cho quốc phòng**

182 Benoit phát biểu rằng một mức độ an ninh quốc gia
 183 ổn định có thể tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát
 184 triển kinh tế và xã hội, từ đó ảnh hưởng tích cực đến
 185 HDI¹⁵. Chi tiêu quân sự mang lại sự bảo vệ cho công
 186 dân trong nước bằng cách duy trì an ninh bên trong và
 187 bên ngoài, từ đó tạo ra môi trường đầu tư và thương
 188 mại tích cực cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước,
 189 thuận lợi tăng cường năng lực nguồn nhân lực của lực
 190 lượng lao động thông qua cung cấp giáo dục và y tế,
 191 đặc biệt là ở các nước kém phát triển. Điều này cũng
 192 phù hợp đối với lý thuyết tăng trưởng nội sinh, khi
 193 con người là trung tâm của sự phát triển và được kiến
 194 tạo những điều kiện tốt nhất để khai thác tiềm năng.
 195 Các nghiên cứu của Dunne và Tian, Sandler và Hart-
 196 ley, Nguyễn Quang Trung và Trần Phạm Khánh Toàn
 197 tại các quốc gia Đông Nam Á cũng cho thấy tác động
 198 tích cực của chi tiêu cho quốc phòng tới sự phát triển
 199 con người¹⁶⁻¹⁸. Trên cơ sở đó, giả thuyết H2 được
 200 xây dựng như sau:

H2: Tỷ lệ chi tiêu cho quốc phòng tác động tích cực
 201 *đến HDI của các quốc gia ASEAN giai đoạn 2009 -*
 202 *2022.*
 203

204 **Chi tiêu cho y tế**

205 Banik và cộng sự cho rằng đầu tư vào y tế không chỉ
 206 cải thiện chất lượng cuộc sống mà còn tăng khả năng
 207 lao động và giảm tỷ lệ mắc bệnh, góp phần nâng cao
 208 HDI và phát triển kinh tế, điều này phù hợp với lý
 209 thuyết tăng trưởng nội sinh¹⁹. Tuy nhiên, nhiều công
 210 trình nghiên cứu hướng tới các nước Đông Nam Á chỉ
 211 ra rằng khoản chi này đang kém hiệu quả hay thậm
 212 chí có ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển con người,
 213 như của Lantion và cộng sự tại một số nước ASEAN,
 214 Ramesh và Wu tại các quốc gia Đông Nam Á, Pahlevi
 215 tại Indonesia^{12,20,21}. Nguyên nhân đầu tiên có thể
 216 xuất phát từ hiệu lực và hiệu quả chi tiêu y tế. Bên
 217 cạnh quy mô chi tiêu y tế, điều quan trọng cần nhận
 218 ra là số tiền chi tiêu y tế không thể mô tả được mức
 219 độ hiệu quả và hiệu suất chi tiêu. Tình trạng này có
 220 thể đến từ thực trạng hệ thống chăm sóc sức khỏe ở
 221 các nước Đông Nam Á như Indonesia, Malaysia và
 222 Philippines đã bị tư nhân hóa, dẫn đến việc triển khai
 223 các khu vực y tế công cộng kém hiệu quả. Trên cơ sở
 224 đó, giả thuyết H3 được xây dựng như sau:

225 *H3: Tỷ lệ chi tiêu cho y tế tác động tiêu cực đến HDI*
 226 *của các quốc gia ASEAN giai đoạn 2009 - 2022.*

227 **Lạm phát**

228 Yolanda nhận định, tỷ lệ lạm phát gia tăng cũng kèm
 229 theo sự tăng lên của nghèo đói²². Sự gia tăng trong
 230 giá cả hàng hóa sẽ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận
 231 các dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, y tế và kinh tế của
 232 cộng đồng, dẫn đến sự gia tăng số lượng người nghèo
 233 khi họ phải chịu thiếu thốn về tài chính và các dịch vụ
 234 xã hội cơ bản. Arisman cũng cho rằng sự tăng lên của
 235 lạm phát ảnh hưởng tiêu cực đến sức mua của người
 236 dân đối với các loại hàng hóa, có tác động trực tiếp
 237 âm đến HDI²³. Trên cơ sở đó, giả thuyết H4 được
 238 xây dựng như sau:

239 *H4: Tỷ lệ lạm phát tác động tiêu cực đến HDI của các*
 240 *quốc gia ASEAN giai đoạn 2009 - 2022.*

241 **Đầu tư trực tiếp nước ngoài**

242 Nghiên cứu của Ahmad và cộng sự cho thấy, từ góc
 243 độ xã hội, FDI có thể mang lại nguồn tài trợ, công
 244 nghệ mới và khả năng tạo ra việc làm, từ đó mang
 245 lại tác động tích cực với việc xóa đói giảm nghèo²⁴.
 246 Việc quản lý FDI hiệu quả đóng vai trò quan trọng
 247 trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của
 248 một quốc gia, góp phần gia tăng phúc lợi xã hội mà
 249 mỗi cá nhân nhận được. Ngoài ra, những nghiên cứu

250 của Gohou và Soumaré, Hanushek, Neumayer cũng
 251 cho thấy tầm quan trọng của việc quản lý FDI đối với
 252 sự phát triển của con người^{7,25,26}. Trên cơ sở đó, giả
 253 thuyết H5 được xây dựng như sau:
 254 H5: Chi cho đầu tư trực tiếp nước ngoài tác động tích
 255 cực đến HDI của các quốc gia ASEAN giai đoạn 2009
 256 - 2022.

257 **Lực lượng lao động**

258 Dù ASEAN là khu vực có lực lượng lao động lớn thứ
 259 03 trên thế giới, đây vẫn chưa hẳn là một lợi thế rõ
 260 rệt của khu vực²⁷. Điều kiện lao động là một trong
 261 những khuyết điểm lớn đối với các nước ASEAN. Thứ
 262 nhất, theo Abbas, lao động tại các quốc gia này có
 263 nguy cơ cao gặp phải thương tật do lao động cao hơn,
 264 trong khi hạ tầng y tế kém phát triển và các chương
 265 trình bảo hiểm xã hội chưa được củng cố đúng mức,
 266 gây ra chi phí cao cho hệ thống an sinh xã hội quốc
 267 gia²⁸. Thứ hai, theo Autor và cộng sự, sự bất bình
 268 đẳng trong khả năng tiếp cận giáo dục và đào tạo nghề
 269 cũng là nguyên nhân khiến phần đông lao động không
 270 có chất lượng cao và phải làm những công việc có mức
 271 lương thấp²⁹. Vì vậy, lực lượng lao động đông đảo
 272 thậm chí có thể là một bất lợi đối với phát triển con
 273 người do sự bất bình đẳng vẫn còn tiếp diễn, gây ra chi
 274 phí cao cho hệ thống an sinh xã hội quốc gia và ảnh
 275 hưởng xấu đến hiệu quả phân bổ tài nguyên giữa các
 276 công dân của các nước này. Trên cơ sở đó, giả thuyết
 277 H6 được xây dựng như sau:

278 H6: Lực lượng lao động tác động tiêu cực đến HDI
 279 của các quốc gia ASEAN giai đoạn 2009 - 2022.

280 **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

281 Dữ liệu được thu thập thông qua World Bank, IMF,
 282 ASEAN Statistics, những nguồn thông tin đáng tin
 283 cậy và toàn diện về các quốc gia trên thế giới. Dữ liệu
 284 này được cập nhật thường xuyên, đảm bảo tính chính
 285 xác và phù hợp cho nghiên cứu.

286 Phương pháp nghiên cứu định tính: báo cáo đã tìm
 287 hiểu và tổng quan một số công trình nghiên cứu về chỉ
 288 tiêu chính phủ và HDI. Từ đó, nghiên cứu tham khảo
 289 và kế thừa một số cơ sở lý luận cho đề tài, cũng như
 290 là xây dựng nên mô hình nghiên cứu có tính thuyết
 291 phục hơn.

292 Phương pháp phân tích dữ liệu bao gồm thống kê
 293 mô tả, mô hình Fixed Effect (FEM), Random Ef-
 294 fect (REM), Pooled OLS và Feasible Generalized Least
 295 Squares (FGLS). Sau quá trình phân tích và đánh giá
 296 hiệu quả của các mô hình, nghiên cứu này quyết định
 297 sử dụng mô hình FGLS (Feasible Generalized Least
 298 Squares), một phương pháp hồi quy dùng để ước
 299 lượng các tham số trong mô hình tuyến tính khi hiệp
 300 phương sai không đồng nhất hoặc có sự tương quan

giữa các phần dư. FGLS cố gắng điều chỉnh phương
 sai của phần dư để làm cho các ước lượng của tham số
 hợp lý hơn³⁰. Các biến được sử dụng trong mô hình
 nghiên cứu được trình bày trong bảng thống kê mô tả
 (Bảng 1) bao gồm các chỉ số về giá trị trung bình, độ
 lệch chuẩn, giá trị nhỏ nhất và lớn nhất, cung cấp cái
 nhìn tổng quan về đặc điểm và phân phối của các biến
 trong mẫu nghiên cứu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả ước lượng mô hình Pooled, FEM & REM

Sau khi thu thập dữ liệu từ World Bank, IMF, ASEAN
 Statistics trong giai đoạn 2009 đến 2022 ở 09 quốc gia
 ASEAN, bài nghiên cứu tiến hành phân tích và đo
 lường kết quả bằng phần mềm Stata 15 với các mô
 hình bao gồm Pooled-OLS, FEM và REM. Kết quả
 được trình bày ở Bảng 2.

Kết quả mô hình cho thấy cả ba mô hình đều có
 ý nghĩa thống kê với độ phù hợp trên 50%. Nhằm
 lựa chọn ra mô hình phù hợp, nghiên cứu thực hiện
 các kiểm định Wald test, Breusch-Pagan và Hausman
 được trình bày ở Bảng 3.

Đầu tiên, nghiên cứu thực hiện kiểm định Wald test
 và thấy rằng mô hình FEM phù hợp hơn mô hình
 Pooled-OLS (p-value = 0,000 nên bác bỏ H0). Tiếp
 theo, kiểm định Breusch - Pagan cho thấy kết quả
 mô hình REM phù hợp hơn so với Pooled-OLS. Cuối
 cùng, để so sánh mô hình FEM và REM, nghiên cứu
 sử dụng kiểm định Hausman, với kết quả p-value =
 0,000 nên kết luận bác bỏ H0, mô hình FEM là phù
 hợp nhất.

Bước kế tiếp, hai kiểm định Modified Wald và Wool-
 ridge cho thấy mô hình FEM còn tồn tại hai hiện
 tượng phương sai sai số thay đổi và tự tương quan.
 Nhằm khắc phục hai khuyết tật này, nhóm đã tiến
 hành thực hiện ước lượng theo phương pháp FGLS,
 thu được kết quả ở Bảng 4.

$$HDI_{i,t} = 0,704 + 0,0110Ge_{i,t} + 0,0482Gd_{i,t} - 0,0170Ghc_{i,t} + 0,0000653Inf_{i,t} + 0,0146lnFDI_{i,t} - 0,00931lnLab_{i,t} + \mathbb{E}_{i,t}$$

Kết quả ước lượng từ Bảng 4 cho thấy cả ba biến tỷ lệ
 chi tiêu công đều có ảnh hưởng đáng kể. Cụ thể tỷ lệ
 chi tiêu công cho giáo dục (Ge) và quốc phòng (Gd)
 cho thấy tác động tích cực với chỉ số HDI, trong khi
 tỷ lệ chi tiêu công cho y tế (Ghc) lại có tác động tiêu
 cực. Về các yếu tố vĩ mô, hầu hết đều đóng vai trò
 kiểm soát hiệu quả, ngoại trừ biến tỷ lệ lạm phát (Inf)
 không có ý nghĩa thống kê.

Bảng 1: Các biến trong mô hình nghiên cứu

Tên biến	Ký hiệu	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Loại biến
Chỉ số phát triển con người	HDI	126	0,7290238	0,1095883	0,54	0,943	Biến phụ thuộc
Tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục	Ge	126	3,18902	0,9422709	1,39385	5,97418	Biến giải thích
Tỷ lệ chi tiêu cho quốc phòng	Gd	126	1,645178	0,9370037	0,1134161	3,882423	Biến độc lập
Tỷ lệ chi tiêu cho y tế	Ghc	126	3,955286	1,418468	1,850972	7,6123	
Tỷ lệ lạm phát	Inf	126	3,156547	5,658534	-22,09142	24,23673	Biến kiểm soát
Đầu tư trực tiếp nước ngoài	lnFDI	126	3,25e+07	3,87e+07	191393	1,37e+08	
Lực lượng lao động	lnLab	126	15327,51	25690,1	-4947,474	140844,1	

(Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả từ dữ liệu nghiên cứu)

Bảng 2: Kết quả ước lượng mô hình Pooled, FEM & REM

Biến	Pooled-OLS		FEM		REM	
	Hệ số hồi quy (Coef.)	Mức ý nghĩa (P> t)	Hệ số hồi quy (Coef.)	Mức ý nghĩa (P> t)	Hệ số hồi quy (Coef.)	Mức ý nghĩa (P> t)
Ge	0,0276***	0,000	-0,00270	0,250	0,00977*	0,082
Gd	0,0360***	0,000	-0,00403	0,472	0,0348***	0,000
Ghc	-0,0246***	0,000	-0,000752	0,750	-0,0155***	0,001
Inf	-0,00178**	0,042	-0,000473**	0,045	-0,000608	0,348
lnFDI	0,0458***	0,000	0,00338	0,118	0,0352***	0,000
lnLab	-0,0272***	0,000	0,174***	0,000	-0,0224***	0,000
_cons	0,731***	0,000	-2,105***	0,001	0,765***	0,000
Số quan sát	122		122		122	
R2	0,8143		0,5898		0,8573	
F(Wald test)	0,0000		0,0000		0,0000	

Ghi chú: ***, **, * tương ứng với mức ý nghĩa thống kê tại 1%, 5%, 10%
(Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả từ dữ liệu nghiên cứu)

Bảng 3: Bảng kiểm định mô hình phù hợp và kiểm định khuyết tật mô hình FEM

Kiểm định lựa chọn mô hình		
Kiểm định	Kết quả từ Stata	Kết quả
Wald test	F(8, 107) = 215,84 Prob > F = 0,000	FEM phù hợp
Breusch - Pagan	chibar2(01) = 109,32 Prob>chibar2= 0,000	REM phù hợp
Hausman	chi2(6) = 101,97 Prob>chi2 = 0,000	FEM phù hợp
Kiểm định khuyết tật FEM		
Kiểm định	Kết quả từ Stata	Kết luận
Modified Wald	chi2 (9) = 1511,59 Prob > chibar2 = 0,000	Tồn tại hiện tượng phương sai sai số thay đổi
Wooldridge	F(1, 8) = 25,180 Prob > F = 0,0001	Tồn tại hiện tượng tự tương quan

(Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả từ dữ liệu nghiên cứu)

349 THẢO LUẬN VỀ KẾT QUẢ MÔ HÌNH ƯỚC 350 LƯỢNG

351 Tỷ lệ chi tiêu công cho giáo dục

352 Nghiên cứu chỉ ra tác động tích cực của tỷ lệ chi tiêu
353 công cho giáo dục đến chỉ số phát triển con người ở
354 Đông Nam Á từ 2009 - 2022. Cụ thể, với điều kiện các
355 yếu tố khác không thay đổi, khi tỷ lệ chi tiêu công cho
356 giáo dục tăng lên 1% thì HDI sẽ tăng 0,0110 đơn vị.
357 Kết quả này phù hợp với kết quả của các nghiên cứu
358 của Lantion và cộng sự, Kushwaha và Tiwari, Sapu-
359 tro và Hamzah. Mặc dù chi tiêu giáo dục ở các nước

ASEAN có dao động, nó vẫn thể hiện hiệu quả trong
việc nâng cao trình độ và chất lượng cuộc sống người
dân. Kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của đầu
tư giáo dục đối với sự phát triển con người. Vì vậy,
giả thuyết H1 được chấp nhận.

Tỷ lệ chi tiêu công cho quốc phòng

Nghiên cứu chỉ ra tác động tích cực của chi tiêu công
cho quốc phòng đến chỉ số phát triển con người ở
Đông Nam Á từ 2009 - 2022. Cụ thể, với điều kiện các
yếu tố khác không thay đổi, khi tỷ lệ chi tiêu công cho

Bảng 4: Phương pháp bình phương bé nhất tổng quát khả thi (FGLS)

Biến	Hệ số hồi quy	Giá trị t	P-value
Ge	0,0110***	2,69	0,007
Gd	0,0482***	6,69	0,000
Ghc	-0,0170***	-4,43	0,000
Inf	0,0000653	0,20	0,839
lnFDI	0,0146***	4,99	0,000
lnLab	-0,00931**	-2,27	0,023
_cons	0,704***	11,56	0,000
Số quan sát	122		
Wald chi2(6)	144,04		
Prob > chi2	0,0000		

Ghi chú: ***, **, * tương ứng với mức ý nghĩa thống kê tại 1%, 5%, 10%
(Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả từ dữ liệu nghiên cứu)

370 quốc phòng tăng 1% thì HDI của các quốc gia nghiên
371 cứu tăng 0,0482 đơn vị. Điều này phù hợp với nghiên
372 cứu trước đây như của Dunne và Tian, Sandler và
373 Hartley, Nguyễn Quang Trung và Trần Phạm Khánh
374 Toàn nhấn mạnh vai trò của chỉ tiêu quốc phòng trong
375 việc đảm bảo an ninh, tạo điều kiện phát triển kinh tế,
376 và gián tiếp thúc đẩy tăng trưởng HDI. Sự phát triển
377 kinh tế được hỗ trợ gián tiếp thông qua các hoạt động
378 của chính phủ, như cung cấp quốc phòng quốc gia,
379 bảo vệ quyền sở hữu bằng cách tăng cường động lực
380 cho công dân sản xuất và tích lũy đầu tư. Tuy nhiên,
381 cần cân nhắc kỹ lưỡng khi sử dụng ngân sách này để
382 tránh tác động tiêu cực. Vì vậy, giả thuyết H2 được
383 chấp nhận.

384 Tỷ lệ chi tiêu công cho y tế

385 Mô hình nghiên cứu cho thấy tỷ lệ chi tiêu công cho y
386 tế có tác động tiêu cực tới chỉ số phát triển con người
387 của các quốc gia Đông Nam Á trong giai đoạn nghiên
388 cứu. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi
389 chính phủ các quốc gia tăng tỷ lệ chi tiêu công cho y
390 tế lên 1% thì HDI giảm 0,0170 đơn vị. Kết quả này
391 là hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Lantion và
392 cộng sự, Ramesh và Wu, Pahlevi, trái với nhận định
393 của Banik và cộng sự. Nguyên nhân có thể do hiệu
394 quả và hiệu suất sử dụng nguồn lực chưa tối ưu, phân
395 bổ không công bằng, thiếu hụt cơ sở hạ tầng và nhân
396 lực y tế. WHO cũng ghi nhận những hạn chế trong
397 dịch vụ chăm sóc sức khỏe khu vực này, như chăm
398 sóc ngoại trú thấp và người nghèo thành thị khó tiếp
399 cận dịch vụ. Mặc dù chi tiêu y tế ở các nước Đông
400 Nam Á khá cao (3-5% GDP), nhưng chưa phát huy
401 hết tiềm năng. Các quốc gia cần tập trung vào quản

lý, đánh giá hiệu quả và phân bổ nguồn lực y tế công
bằng hơn để tối ưu hóa lợi ích cho sức khỏe cộng đồng
và phát triển con người. Vì vậy, giả thuyết H3 được
chấp nhận.

Tỷ lệ lạm phát

Biến tỷ lệ lạm phát không có ý nghĩa thống kê, không
thỏa kỳ vọng ban đầu rằng lạm phát có tác động tiêu
cực đối với chỉ số phát triển con người. Kết quả này
không tương đồng với kết quả của nghiên cứu Yolanda
và Arisman rằng biến số lạm phát thực sự có gây ảnh
hưởng đáng kể đến chỉ số phát triển con người theo
chiều hướng tiêu cực.

Vốn đầu tư nước ngoài FDI

Kết quả ước lượng cho thấy FDI có tác động tích cực
đến chỉ số phát triển con người ở các quốc gia khu
vực Đông Nam Á trong giai đoạn 2009 - 2022. Trong
điều kiện các yếu tố khác không thay đổi, khi FDI tăng
lên 1% thì HDI tăng khoảng 0,000146 đơn vị. Kết quả
ước lượng của mô hình sử dụng cũng cho thấy sự phù
hợp với kết quả nghiên cứu của Ahmad và cộng sự,
Gohou và Soumaré, Hanushek, Neumayer, rằng dòng
vốn FDI có thể tạo ra nhiều lợi ích kinh tế, bao gồm cả
tăng cường đầu tư, cung cấp việc làm và chuyển giao
công nghệ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của quốc gia,
gia tăng phúc lợi xã hội, qua đó cải thiện HDI. Vì vậy,
giả thuyết H5 được chấp nhận.

Lực lượng lao động

Kết quả ước lượng cho thấy lực lượng lao động có tác
động tiêu cực đến HDI của các quốc gia khu vực Đông
Nam Á giai đoạn 2009 - 2022. Cụ thể, trong điều kiện

432 các yếu tố khác không đổi, khi lực lượng lao động tăng
 433 1% thì HDI ở các quốc gia này giảm 0,000093 đơn vị.
 434 Điều này có thể giải thích bởi tình trạng thiếu hụt lao
 435 động có kỹ năng trong khu vực. Theo Autor và cộng
 436 sự, dân số trẻ của ASEAN, nếu không được đào tạo
 437 và sử dụng hiệu quả, có thể dẫn đến thất nghiệp và
 438 các vấn đề xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển
 439 kinh tế - xã hội và HDI. Trần Phạm Khánh Toàn cũng
 440 nhận định rằng khi lực lượng lao động tăng nhanh
 441 mà không có đủ việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng có thể
 442 làm giảm thu nhập và hạn chế khả năng chi trả cho
 443 y tế, giáo dục, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng cuộc
 444 sống³¹. Vì vậy, giả thuyết H6 được chấp nhận.

445 HẠM Y CHÍNH SÁCH

446 *Thứ nhất*, tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo
 447 dục đào tạo và xem đây là giải pháp cơ bản cho sự phát
 448 triển nguồn nhân lực nói riêng, sự phát triển kinh tế -
 449 xã hội nói chung của các quốc gia Đông Nam Á. Các
 450 khoản chi tiêu cho giáo dục cần có kế hoạch cụ thể
 451 để xác định đầu tư đúng trọng tâm, trọng điểm nhằm
 452 đảm bảo tính hiệu quả, tạo hiệu ứng lan tỏa giữa các
 453 vùng. Bên cạnh các khoản chi tiêu công, nhà nước cần
 454 có chính sách khuyến khích các nguồn vốn đầu tư cho
 455 giáo dục thông qua các chính sách xã hội hóa giáo dục
 456 nhằm thực hiện tốt mục tiêu phát triển nguồn nhân
 457 lực cho quốc gia.

458 *Thứ hai*, đẩy mạnh các khoản chi tiêu công cho các
 459 lĩnh vực quốc phòng an ninh, tạo môi trường hòa
 460 bình, ổn định cho người dân, doanh nghiệp trong
 461 nước, các nhà đầu tư nước ngoài an tâm sản xuất kinh
 462 doanh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Đẩy
 463 mạnh xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ quốc
 464 phòng an ninh nhằm góp phần tạo việc làm cho người
 465 dân, vừa tạo ra môi trường thuận lợi để phát triển các
 466 ngành kinh tế, kích thích đầu tư và thương mại trong
 467 và ngoài nước.

468 *Thứ ba*, thực hiện tốt các chính sách kinh tế vĩ mô
 469 nhằm ổn định nền kinh tế trước các tác động mạnh
 470 mẽ từ nền kinh tế thế giới như khủng hoảng, lạm phát
 471 nhằm ổn định đời sống người dân. Thực hiện các biện
 472 pháp nhằm thống kê mức sống tối thiểu của người dân
 473 theo từng khu vực để có chính sách về tiền lương phù
 474 hợp, đảm bảo mức sống cho người dân.

475 *Thứ tư*, hoàn thiện hệ thống y tế trung ương đến
 476 địa phương, đồng thời có chiến lược đầu tư vào lĩnh
 477 vực y tế theo hướng phát triển trọng tâm, trọng điểm,
 478 kết hợp giữa nguồn vốn của nhà nước với các nguồn
 479 lực khác cho lĩnh vực y tế. Cần thực hiện tốt khâu
 480 kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo rằng khoản chi tiêu
 481 công của chính phủ được phân bổ đến đúng các khu
 482 vực thiếu thốn về dịch vụ xã hội; tăng cường các biện

pháp dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần cải thiện
 khả năng chi trả cho các dịch vụ y tế của người dân
 hay.

Thứ năm, chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế
 nhằm chủ động lựa chọn các dự án đầu tư của nước
 ngoài theo hướng đảm bảo nguyên tắc hài hòa giữa
 mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội, nhằm góp
 phần nâng cao chất lượng sống của con người.

491 KẾT LUẬN

492 Kết quả nghiên cứu tác động của chi tiêu chính phủ
 493 đối với chỉ số phát triển con người ở 09 quốc gia Đông
 494 Nam Á trong giai đoạn 2009 – 2022 đã cho thấy các
 495 khoản chi tiêu công cho giáo dục và quốc phòng có
 496 tác động tích cực đến chỉ số phát triển con người HDI.
 497 Điều này cũng bước đầu chứng minh rằng các khoản
 498 chi tiêu công của các quốc gia trong khu vực Đông
 499 Nam Á đã được phân bổ có hiệu quả, góp phần không
 500 nhỏ vào việc phát triển vốn con người trong nền kinh
 501 tế. Trong khi đó, chi tiêu công cho lĩnh vực y tế ở
 502 các quốc gia Đông Nam Á có tác động tiêu cực đến chỉ
 503 số phát triển con người. Điều này chứng tỏ rằng hệ
 504 thống y tế của các nước trong khu vực Đông Nam Á
 505 chưa được đầu tư hiệu quả, các khoản chi tiêu công
 506 cho lĩnh vực y tế vì thế cũng đang gặp phải các vấn
 507 đề phức tạp trong quá trình sử dụng và quản lý tài
 508 nguyên. Ngoài ra, FDI đang là chỉ số mà các nước
 509 Đông Nam Á cần phải cải thiện và phát huy, trong khi
 510 lạm phát và lực lượng lao động nên được kiểm soát và
 511 duy trì ở mức phù hợp. Sự phát triển con người của
 512 khu vực có thể nói là phụ thuộc lớn vào khả năng giải
 513 quyết các vấn đề xoay quanh các nhân tố trên.

514 HẠN CHẾ CỦA ĐỀ TÀI

515 Bên cạnh những kết quả đạt được, đề tài vẫn tồn tại
 516 một số hạn chế. *Thứ nhất* là giới hạn về mặt không
 517 gian khi chỉ nghiên cứu trong phạm vi 9 quốc gia
 518 thuộc ASEAN (không bao gồm Myanmar và Đông
 519 Timor), có thể làm hạn chế sự áp dụng của các kết
 520 quả cho toàn bộ khu vực. *Thứ hai*, các biến đại diện
 521 cho chi tiêu chính phủ được đưa vào nghiên cứu chỉ
 522 bao gồm chi tiêu cho y tế, giáo dục và quốc phòng nên
 523 chưa phản ánh tất cả các khía cạnh quan trọng của chi
 524 tiêu công. Kết quả là các biến trong mô hình nghiên
 525 cứu chỉ giải thích được 58,98% biến phụ thuộc là HDI,
 526 cho thấy vẫn còn những yếu tố khách quan khác bên
 527 ngoài hoặc nội tại của chính các nước này tác động
 528 đến HDI nhưng chưa được đưa vào nghiên cứu.

529 HƯỚNG NGHIÊN CỨU MỚI

530 Cải thiện và mở rộng phạm vi nghiên cứu về không
 531 gian và thời gian trong tương lai, tìm kiếm và bổ sung

532 thêm các biến độc lập, bao gồm chi đầu tư phát triển,
533 chi sự nghiệp kinh tế, chi khoa học công nghệ, chi an
534 sinh xã hội... vào mô hình phân tích của mình, mang
535 đến một cái nhìn tổng thể và chi tiết hơn về các yếu tố
536 ảnh hưởng đến HDI.

537 DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

538 ASEAN: Association of Southeast Asian Nations
539 (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á)
540 EU: European Union (Liên minh châu Âu)
541 GDP: Gross Domestic Product (Tổng sản phẩm quốc
542 nội)
543 HDRO: Human Development Report Office (Văn
544 phòng Báo cáo phát triển con người)
545 HDI: Human Development Index (Chỉ số phát triển
546 con người)
547 FDI: Foreign Direct Investment (Vốn đầu tư trực tiếp
548 nước ngoài)
549 UNDP: United Nations Development Programme
550 (Chương Trình Phát Triển Liên Hợp Quốc)

551 XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

552 Các tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung
553 đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

554 ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

555 Nguyễn Đình Bình: định hướng, góp ý và bổ sung
556 những thiếu sót của nghiên cứu.
557 Các tác giả cùng xây dựng tổng quan nghiên cứu, cơ
558 sở lý luận và giả thuyết nghiên cứu.
559 Phạm Hải Anh: hàm ý chính sách, hạn chế, hướng đi
560 mới và kết luận, thiết kế và chỉnh sửa văn bản nghiên
561 cứu.
562 Huỳnh Thị Ngọc Kiều: thu thập dữ liệu, thảo luận kết
563 quả nghiên cứu.
564 Trần Đỗ Phương Uyên: thu thập dữ liệu, chạy mô
565 hình và thảo luận kết quả nghiên cứu.
566 Lê Nguyễn Uyên My: chỉnh sửa phần giới thiệu, xây
567 dựng giả thuyết và hàm ý chính sách.
568 Tạ Như Ngọc: phương pháp nghiên cứu, hàm ý chính
569 sách.

570 TÀI LIỆU THAM KHẢO

571 1. Haq K. Mahbub ul Haq: pioneering a development philoso-
572 phy for people. Oxford University Press's, Academic Insights
573 for the Thinking World [serial online] 2017 [cited 2024 Jan
574 11]; Available from: [https://blog.oup.com/2017/09/mahbub-ul-](https://blog.oup.com/2017/09/mahbub-ul-haq-philosophy-economics/)
575 [haq-philosophy-economics/](https://blog.oup.com/2017/09/mahbub-ul-haq-philosophy-economics/).
576 2. UNDP (United Nations Development Programme). Human
577 Development Report 1990: Concept and Measurement of Hu-
578 man Development. New York: Oxford University Press; 1990;.
579 3. United Nations. What is Human Development? [Online].
580 2015; Available from: [https://hdr.undp.org/content/what-](https://hdr.undp.org/content/what-human-development)
581 [human-development](https://hdr.undp.org/content/what-human-development).

4. Hậu PT. Tác động của chi ngân sách địa phương đến chất
582 lượng cuộc sống của người dân [Master thesis]. Trường Đại
583 học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; 2014 [cited 2023 Nov 24]. Avail-
584 able from: Thư viện Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh;.
585 5. Thủy LTH, Mai BTH. Tác động của chi chính phủ trong lĩnh vực
586 y tế và giáo dục đến chỉ số HDI ở các quốc gia đang phát triển
587 [Master's thesis]. Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; 2014
588 [cited 2023 Nov 24]. Available from: Thư viện Trường Đại học
589 Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh;.
6. Linhartova V. Analyzing the role of public expenditures in hu-
591 man development: Panel data analysis of EU-28 countries.
592 Montenegrin Journal of Economics. 2021;17(1);.
593 7. Gohou G, Soumaré I. Does foreign direct investment reduce
594 poverty in Africa and are there regional differences? World
595 Dev. 2012;40(1):75–95; Available from: [https://doi.org/10.1016/](https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2011.05.014)
596 [j.worlddev.2011.05.014](https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2011.05.014).
597 8. Lê Chi Mai. Quản lý chi tiêu công. Nhà Xuất bản Chính trị Quốc
598 Gia; 2011;.
9. Razmi MJ, Abbasian E, Mohammadi S. Investigating the ef-
600 fect of government health expenditure on HDI in Iran. J Knowl
601 Manag Econ Inf Technol. 2012;2(5);.
602 10. Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Bích Diệp. Một số vấn đề
603 phát triển con người ở Việt Nam. Thông tin Khoa học Thống
604 kê. 2017;1:28–31;.
605 11. Ranis G, Stewart F, Ramirez A. Economic growth and human
606 development. World Dev. 2000;28(2):197–219; Available from:
607 [https://doi.org/10.1016/S0305-750X\(99\)00131-X](https://doi.org/10.1016/S0305-750X(99)00131-X).
608 12. Lantion DAS, Musngi GV, Cabatuan RR. Assessing the re-
609 lationship of Human Development Index (HDI) and govern-
610 ment expenditure on health and education in selected ASEAN
611 countries. Int J Soc Manag Stud. 2023;4(6):13–26;.
612 13. Kushwaha M, Tiwari DR. A causal relationship between public
613 expenditure on education and human development: Analysis
614 of Indian states. Gap Gyan. 2020;3(3):1–7;.
615 14. Saputro SE, Hamzah MZ, Santosa B. Determinant factors of hu-
616 man development and its impact on level of productivity in
617 ASEAN countries. Adv Econ Bus Manag Res. 2023;265:312–32;.
618 15. Benoit E. Growth and defense in developing countries. Econ
619 Dev Cult Change. 1978;26(2):271–80; Available from: [https://](https://doi.org/10.1086/451015)
620 doi.org/10.1086/451015.
621 16. Dunne JP, Tian N. Military expenditure and economic growth:
622 A survey. Econ Peace Secur J. 2013;8(1):5–11;.
623 17. Sandler T, Hartley K. Handbook of defense economics: De-
624 fense in a globalized world. Elsevier; 1995;.
625 18. Nguyễn Quang Trung, Trần Phạm Khánh Toàn. Tác động của
626 chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia Đông
627 Nam Á. Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
628 - Kinh tế và Quản trị Kinh doanh. 2014;9(2):50–9;.
629 19. Banik B, Roy CK, Hossain R. Healthcare expenditure, good gov-
630 ernance, and human development. Economia. 2023;24(1):1–
631 23; Available from: <https://doi.org/10.1016/j.econ.2022.10.001>.
632 20. Ramesh M, Wu X. Realigning public and private health care
633 in Southeast Asia. Pac Rev. 2008;21(2):171–87; Available from:
634 <https://doi.org/10.1080/09512740801990220>.
635 21. Pahlevi M, Merita. Impact of governance and government ex-
636 penditure on human development in Indonesia [master's the-
637 sis]. Indonesia: International Institute of Social Studies; 2017.
638 Available from: Erasmus University Thesis Repository;.
639 22. Yolanda Y. Analysis of factors affecting inflation and its impact
640 on Human Development Index and poverty in Indonesia. Eur
641 Res Stud J. 2017;20(4B):38–56;.
642 23. Arisman A. Determinants of Human Development Index in
643 ASEAN countries. Signifikan. 2018;7(1):113–22; Available from:
644 <https://doi.org/10.15408/sjie.v7i1.6220>.
645 24. Ahmad F, Draz MU, Ozturk I, Rauf A, Ali S. Impact of FDI inflows
646 on poverty reduction in the ASEAN and SAARC economies.
647 Sustainability. 2019;11(9):2565; Available from: [https://doi.](https://doi.org/10.3390/su11092565)
648 [org/10.3390/su11092565](https://doi.org/10.3390/su11092565).
649 25. Hanushek EA. Economic growth in developing countries:
650 The role of human capital. Econ Educ Rev. 2013;37:204–
651 12; Available from: <https://doi.org/10.1016/j.econedurev.2013>.

- 653 09.004.
- 654 26. Neumayer E. Human development and sustainability. *J Hum*
655 *Dev Capabilities*. 2010;13(4):561–79;Available from: [https://](https://doi.org/10.1080/19452829.2010.516174)
656 doi.org/10.1080/19452829.2010.516174.
- 657 27. Vinayak HV, Thompson F, Tonby O. Understanding ASEAN:
658 Seven things you need to know. *Growth*. 2014;2000:13;.
- 659 28. Abbas M. Trend of occupational injuries/diseases in Pakistan:
660 Index value analysis of injured employed persons from 2001–
661 02 to 2012–13. *Saf Health Work*. 2015;6(3):218–26;Available
662 from: <https://doi.org/10.1016/j.shaw.2015.06.001>.
- 663 29. Autor DH, Katz LF, Kearney MS. The polarization of the US la-
664 bor market. *Am Econ Rev*. 2006;96(2):189–94;Available from:
665 <https://doi.org/10.1257/000282806777212620>.
- 666 30. Amemiya T. *Advanced Econometrics*. Harvard University
667 Press; 1985;.
- 668 31. Phạm Trần Khánh Toàn. Unemployment and shadow
669 economy in ASEAN countries. *J Asian Financ Econ Bus*.
670 2021;8(11):1–12;Available from: [https://doi.org/10.13106/](https://doi.org/10.13106/jafeb.2021.vol8.no11.006)
671 [jafeb.2021.vol8.no11.006](https://doi.org/10.13106/jafeb.2021.vol8.no11.006).

The impact of government expenditure on human development index in ASEAN countries from 2009 to 2022

Nguyen Dinh Binh, Pham Hai Anh*, Huynh Thi Ngoc Kieu, Tran Do Phuong Uyen, Le Nguyen Uyen My, Ta Nhu Ngoc



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

To analyze the correlation between Government Expenditure and the Human Development Index in ASEAN countries from 2009 to 2022, this research utilized the Feasible Generalized Least Squares model (FGLS), including the statistics collected from reliable secondary sources such as World Bank, ADB, IMF, ASEAN Statistics. The research data encompasses government expenditures on health, education, and defense across 09 Southeast Asian nations over a twelve years period with 126 observations, consisting of the explanatory variables that represent the Government Expenditure Ratio compared to the GDP in Healthcare (Ghc), Education (Ge) and Defense (Gd). Besides, the Macroeconomic factors such as Foreign Direct Investment (InFDI), Inflation Rate (Inf), and Labor Force (InLab) are also employed as the controlled variables. The result indicates that Education Expenditure Ratio and Defense Expenditure Ratio positively affect on the Human Development Index. On the other hand, the Healthcare Expenditure Ratio has a negative impact on HDI. In addition, it is also implied that the Foreign Trade Investment is a beneficial factor in human life enhancement. At the same time, the inflation rate does not have a remarkable influence and the Labor Force has an adverse impact on HDI. Accordingly, this report presents policy recommendations to enhance living standards in Southeast Asia and Vietnam. Additionally, the research identifies shortcomings of the analysis and proposes new research directions to deepen our comprehension of the nexus between public expenditure and human development.

Key words: Human Development Index, HDI, Government Expenditure, ASEAN

University of Economics and Law, Viet Nam Nationality University Ho Chi Minh City, Vietnam

Correspondence

Pham Hai Anh, University of Economics and Law, Viet Nam Nationality University Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: anhph21403@st.uel.edu.vn

History

- Received: 19/4/2024
- Revised: 13/10/2024
- Accepted: 04/12/2024
- Published Online:

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Binh N D, Anh P H, Kieu H T N, Uyen T D P, My L N U, Ngoc T N. **The impact of government expenditure on human development index in ASEAN countries from 2009 to 2022.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2025; ():1-1.